

Số: /BC-KHCN

Bắc Giang, ngày 08 tháng 11 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm, giai đoạn 2016-2020; đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế- xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025**

Thực hiện Kế hoạch số 78-KH/TBVK ngày 27/9/2019 của Tiểu ban Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX về việc xây dựng Văn kiện của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII trình tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Công văn số 2106-CV/TU ngày 22/10/2019 của Tỉnh ủy và Công văn số 156-CV/BCS ngày 25/10/2019 của Ban cán sự UBND tỉnh về việc chuẩn bị nội dung phục vụ xây dựng Văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) báo cáo như sau:

#### **PHẦN THỨ NHẤT**

### **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI 5 NĂM, GIAI ĐOẠN 2016-2020**

#### **I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp thực hiện**

Sau khi Tỉnh ủy Bắc Giang ban hành Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07/12/2015 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 26/02/2016 triển khai Chương trình hành động số 01-CTr/TU của Tỉnh ủy, Sở KH&CN đã nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện và đưa các nội dung trong các Chương trình, Kế hoạch trên vào kế hoạch công tác 5 năm, hàng năm. Tổ chức tốt việc học tập, quán triệt và triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, Chương trình hành động và Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đến 100% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan. Xác định rõ đây là nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và quần chúng về các quan điểm, chủ trương, đường lối, mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, chỉ thị, kết luận, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, kế hoạch của UBND tỉnh; Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2016-2020.

Chủ động tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh mời Bộ trưởng Bộ KH&CN về làm việc với tỉnh Bắc Giang vào ngày 02/3/2018. Trên cơ sở đề xuất của Sở KH&CN, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã nhất trí về chủ trương hỗ trợ tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện một số nhiệm vụ ứng dụng KH&CN giúp huy động các nguồn lực đầu tư cho tỉnh.

Chủ trì tổ chức thành công hội thảo khoa học với chủ đề: “*Các giải pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII về lĩnh vực KH&CN*”. Chủ trì hội thảo là đồng chí Trần Văn Tùng- Thứ trưởng Bộ KH&CN. Hội thảo có sự tham dự của các đồng chí lãnh đạo và chuyên viên các vụ, cục, viện của Bộ KH&CN; Hội các nhà khoa học Bắc Giang tại Hà Nội; các viện nghiên cứu (Học viện Chính trị Khu vực I, Viện Hóa học- Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, Viện Di truyền nông nghiệp, Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch, Viện Chăn nuôi, Viện Nghiên cứu và Phát triển vùng, Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Dược liệu, Viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam, Viện nghiên cứu quy hoạch và thiết kế đô thị nông thôn,...); các trường đại học (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Luật, Đại học Thái Nguyên, Đại học Nông lâm Bắc Giang, Đại học Công nghiệp Hà Nội,...); Lãnh đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố của tỉnh Bắc Giang; Hội doanh nhân trẻ Việt Nam, các doanh nghiệp KH&CN, một số doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; Câu lạc bộ tiến sỹ trẻ khối các cơ quan Trung ương, chủ nhiệm một số đề tài, dự án KH&CN triển khai trên địa bàn tỉnh; các cơ quan truyền thông trong và ngoài tỉnh,... Các ý kiến tham luận tại hội thảo đã tập trung đánh giá, phân tích những kết quả đạt được của hoạt động KH&CN Bắc Giang giai đoạn 2015-2016; trên cơ sở đó đề ra một số giải pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII; đóng góp ý kiến vào dự thảo Nghị quyết về đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020.

Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đồng tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề: “*Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khoa giáo góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII*”. Hội thảo góp phần nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng và cán bộ, đảng viên về chức năng nhiệm vụ, vị trí vai trò và tầm quan trọng của công tác khoa giáo trong giai đoạn hiện nay. Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân trong thực hiện nhiệm vụ công tác khoa giáo giai đoạn 2010 - 2015, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác tham mưu triển khai, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trên các lĩnh vực khoa giáo, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII. Hội thảo có sự tham dự của đại diện lãnh đạo Vụ Giáo dục và Đào tạo, dạy nghề, Vụ Các vấn đề xã hội, Vụ Khoa học, công nghệ và môi trường, Tạp chí Tuyên giáo thuộc Ban Tuyên giáo Trung ương; Thường trực Tỉnh ủy, lãnh đạo UBND tỉnh; đại diện lãnh đạo các ngành trong khối khoa giáo tỉnh; đại diện Thường trực huyện ủy, thành ủy; Trưởng ban tuyên giáo các huyện ủy, thành ủy; Lãnh đạo và trưởng các phòng, ban thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở KH&CN; các cơ quan thông tin truyền thông tỉnh và cơ quan báo chí trung ương thường trú tại Bắc Giang. Các ý kiến tham luận tại hội thảo đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp tham mưu, chỉ đạo tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh ở các ngành, lĩnh vực công tác khoa giáo. Sau hội thảo tổng hợp ý kiến tham mưu đề xuất với Thường trực Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khoa giáo góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII.

## **II. Kết quả cụ thể**

### **1. Công tác tham mưu ban hành văn bản quản lý**

Chủ động tham mưu HĐND, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 31 văn bản quy định về cơ chế, chính sách, văn bản quản lý góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về KH&CN (*Có phụ lục 01 kèm theo*).

Sở KH&CN đã nghiêm túc xây dựng 23 kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và nghị quyết, chỉ thị, kết luận, chương trình, kế hoạch, đề án của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh giai đoạn 2016-2020. Trong từng kế hoạch có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, đơn vị trực thuộc Sở bám sát vào các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh để tập trung cao thực hiện. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc cụ thể hóa các chủ trương thành các nhiệm vụ cụ thể (*Có phụ lục 02 kèm theo*).

## **2. Phát triển công nghiệp, dịch vụ**

Nghiêm túc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 73-NQ/TU ngày 06/5/2016 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch số 2263/KH-UBND ngày 29/9/2011 của UBND tỉnh về việc xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000:2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh, góp phần cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, hỗ trợ doanh nghiệp.

Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (TCĐLCL) được tăng cường. Sở KH&CN thường xuyên tiến hành kiểm tra đo lường, chất lượng hàng hóa góp phần bảo vệ quyền lợi cho nhà sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng; làm ổn định và tạo cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Thực hiện Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 19/7/2011 của HĐND tỉnh và Quyết định số 209/2011/QĐ-UBND ngày 10/8/2011 của UBND tỉnh về việc Quy định mức hỗ trợ các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn, trong thời gian qua Sở KH&CN đã hỗ trợ 27 lượt doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến với tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh là 754 triệu đồng; hỗ trợ 01 doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia (Giải thưởng Châu Á Thái Bình Dương) với tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh là 20 triệu đồng.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 332/2012/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 của UBND tỉnh. Cập nhật hơn 83 tiêu chuẩn, 10 quy chuẩn kỹ thuật vào ngân hàng dữ liệu của Sở. Thẩm định và cấp 05 giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm. Thẩm định hồ sơ và tham mưu ban hành thông báo tiếp nhận 73 hồ sơ công bố hợp chuẩn và 08 hồ sơ công bố hợp quy. Hướng dẫn 13 cơ sở hoàn thiện hồ sơ và đăng ký mã số, mã vạch tại Viện tiêu chuẩn Chất lượng. Thẩm định và ban hành 90 thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng nhập khẩu, kết quả đều đạt yêu cầu hàng nhập khẩu. Hướng dẫn và tiếp nhận 03 hồ sơ công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.

Tổ chức trung bày 14 gian hàng về hoạt động giới thiệu, nhận diện sản phẩm, hàng hóa vi phạm về TCDLCL và sở hữu trí tuệ lưu thông trên thị trường; trong đó có 17 đơn vị tham gia trung bày từ ngày 18-23/10/2019, thu hút nhiều lượt người đến tham quan. Tổ chức hội nghị “giải pháp nhận diện, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động TCDLCL trên địa bàn tỉnh”, tổng số 303 đại biểu tham dự (có đại diện lãnh đạo Bộ KH&CN, Tổng cục TCDLCL, Cục Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa, Cục Sở hữu trí tuệ, Thanh tra Bộ KH&CN; đại diện lãnh đạo Sở KH&CN tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng...; đại diện lãnh đạo các sở, ngành; Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đại diện lãnh đạo UBND các huyện, thành phố; đại diện lãnh đạo một số các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh,... Xây dựng và phát sóng chương trình tuyên truyền về hàng thật, hàng giả, hàng vi phạm về TCDLCL trên Đài PTTH tỉnh.

Tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ nâng cao năng suất, chất lượng (NSCL) sản phẩm, hàng hóa theo Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh. Tổ chức 02 khóa đào tạo cho 200 lượt học viên là đại diện một số cơ quan nhà nước và đại diện các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, 01 cuộc hội thảo về nâng cao NSCL, 02 phóng sự tuyên truyền về NSCL phát trên Đài PTTH tỉnh. Xây dựng và duy trì Chuyên mục “Chương trình NSCL tỉnh Bắc Giang” trên website Sở KH&CN. Thiết kế và in phát 1000 áp phích quảng bá về NSCL, biên soạn và phát hành 400 cuốn cẩm nang về NSCL. Tổ chức 03 cuộc tham quan, học tập kinh nghiệm về NSCL tại các doanh nghiệp ngoài tỉnh.

Thực hiện Chương trình hành động triển khai Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015 của tỉnh Bắc Giang theo Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh: Thường xuyên phổ biến, thông tin tuyên truyền pháp luật về TCDLCL và hàng rào kỹ thuật cho các doanh nghiệp và các bên liên quan thông qua bản tin TBT; thường xuyên cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, hàng rào kỹ thuật để phục vụ cho hoạt động thông báo và hỏi đáp.

Trong định hướng hoạt động nghiên cứu- ứng dụng KH&CN của tỉnh hàng năm đều có nội dung ứng dụng tiến bộ KH&CN nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ và phát triển công nghiệp dịch vụ của tỉnh.

Thực hiện thẩm tra công nghệ 56 dự án đầu tư, trên cơ sở đó kiến nghị UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án có nội dung liên quan đến chuyển giao công nghệ theo đúng quy định của pháp luật và giúp các chủ đầu tư quyết định phương án đầu tư có hiệu quả, góp phần cải thiện môi trường đầu tư. Thủ tục thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư được thực hiện nhanh chóng, đúng thời gian quy định, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiến hành các thủ tục xin cấp giấy phép đầu tư.

Tổ chức khảo sát đánh giá công nghệ tại 230 doanh nghiệp có hoạt động sản xuất. Tổ chức kiểm tra, đánh giá công nghệ 10 lò gạch Tuynel, 11 lò đốt chất thải rắn sinh hoạt; kiểm tra các dự án được thẩm định công nghệ giai đoạn 2015-2016. Tham gia 187 Hội đồng đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư.

Tham gia ý kiến về công nghệ đối với hồ sơ đề nghị chấp nhận chủ trương đầu tư, đề nghị thực hiện dự án, đề nghị thay đổi của 126 dự án đầu tư; cho ý kiến

về công nghệ đối với thiết kế cơ sở; thiết kế bản vẽ thi công 50 dự án; tham gia ý kiến về công nghệ đối với 20 dự án.

Thông qua các chuyên trang, chuyên mục về KH&CN trên Báo Bắc Giang, Đài PTTH tỉnh, website của Sở KH&CN đã giúp doanh nghiệp và người dân trong tỉnh nâng cao sự hiểu biết về vai trò của sở hữu trí tuệ với cuộc sống và sự lớn mạnh của mỗi doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền đầy mạnh phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng được quan tâm. Từ đó góp phần khuyến khích các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đầu tư nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến, các tiến bộ KH&CN đem lại hiệu quả kinh tế cho đơn vị.

Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về chuyển giao công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nhằm giúp cho các doanh nghiệp, HTX xây dựng chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp.

Thực hiện các sự kiện hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”. Tổ chức Cuộc thi và trao giải thưởng cho 10 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong năm 2018.

### **3. Phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn**

Thực hiện Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 09/12/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010-2020; Kế hoạch số 315/KH-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua “*Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới*” giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 2102/KH-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020.

Đã triển khai thực hiện 42 đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trong đó tập trung chủ yếu triển khai, áp dụng với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, tạo ra chuỗi giá trị hàng hóa và thành vùng tập trung: vùng chăn nuôi gà đồi Yên Thế; vùng chăn nuôi và tiêu thụ lợn sạch Tân Yên; miền dong Sơn Động; chè Yên Thế; cam Yên Thế, Lạng Giang; khoai tây Lạng Giang, Việt Yên, Yên Dũng; vùng dược liệu ba kích Lục Nam, Sơn Động; vùng bưởi Hiệp Hòa, Tân Yên,... từng bước nâng cao giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác, tác động tích cực vào chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp của tỉnh, hình thành và tập trung vào cánh đồng mẫu. Điển hình các tiến bộ về giống và biện pháp canh tác như giống lạc đỏ, lạc đen CNC1, lạc đen Đài Loan; cam V2, CS1; sản xuất khoai tây Melanto, Atrice nhập khẩu từ Hà Lan, khoai tây Nicola nhập khẩu từ Pháp; dưa lê Hàn Quốc (giống Super 007 Honey). Các tiến bộ về giống trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản như: lợn lai 3-4 máu ngoại, trâu lai hướng thịt, gà ri lai và VP34, cá trắm đen, nuôi trai nước ngọt lấy ngọc, nhân giống ong bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo,... Các tiến bộ KH&CN ứng dụng vào sản xuất và đời sống đã góp phần quan trọng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp, tạo ra nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiệu quả cao, bền vững; góp phần đổi mới công nghệ, tiếp thu, làm chủ, và khai thác có hiệu quả các công nghệ nhập từ nước ngoài, nâng cao hàm lượng công nghệ và sức cạnh tranh của sản phẩm.

### **3.1. Lựa chọn công nghệ và tổ chức triển khai xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

Thực hiện Nghị quyết số 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020; Sở KH&CN đã phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng định hướng nghiên cứu, ứng dụng KH&CN theo hướng tập trung ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, hình thành chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm sản an toàn, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, nâng cao giá trị, hiệu quả kinh tế. Kết quả cụ thể như sau:

#### **3.1.1. Về trồng trọt**

*\* Cây rau màu, cây có củ:*

Xây dựng mô hình chuyển giao công nghệ sản xuất rau an toàn theo VietGAP bằng chuỗi liên kết sản xuất- bảo quản- chế biến- tiêu thụ tại huyện Yên Dũng với quy mô 2.880m<sup>2</sup> nhà lưới sản xuất rau an toàn. Xây dựng mô hình ứng dụng tiên bộ KH&CN sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Yên Dũng với quy mô 01 ha nhà lưới mái vòm tiêu chuẩn, kết hợp với hệ thống tưới nhỏ giọt, tiết kiệm nước và phân bón; 02 ha nhà lưới đơn giản, sử dụng hệ thống tưới phun; 60 ha mô hình sản xuất rau an toàn ngoài đồng ruộng; các mô hình cho năng suất dự kiến tăng 10-15% so với sản xuất thông thường; mô hình bảo quản rau bằng công nghệ kiểm soát môi trường, quy mô 600-700m<sup>3</sup>/kho.

Ứng dụng khoa học kỹ thuật phát triển vùng sản xuất khoai tây thương phẩm bằng giống khoai tây Hà Lan nhập khẩu Melanto. Xây dựng thành công mô hình sản xuất khoai tây thương phẩm tại xã Đại Lâm huyện Lạng Giang và xã Bảo Đài huyện Lục Nam với quy mô 10 ha. Đây là giống khoai tây mọc sớm, tỷ lệ mọc cao (trung bình đạt 93%) và đồng đều, mầm khỏe, phát triển nhanh, mạnh, thời gian xuất hiện tia củ sớm, thời gian sinh trưởng của cây từ 85-90 ngày; đạt 9-11 củ/khóm, năng suất trung bình đạt 21-22 tấn/ha. Mô hình sản xuất giống khoai tây Melanto lợi nhuận thuần thu được 40.980.000 đồng/ha. Dự án giúp người dân tiếp cận tiên bộ kỹ thuật mới về giống khoai tây có năng suất cao, chất lượng tốt để thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng thích hợp trong vụ Đông Xuân thành sản phẩm hàng hóa, góp phần tăng thu nhập trong sản xuất cây trồng vụ Đông.

Ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, xây dựng mô hình sản xuất khoai tây (Hà Lan, Pháp) theo chuỗi giá trị, phục vụ phát triển sản xuất khoai tây tỉnh Bắc Giang. Mục tiêu dự án xây dựng mô hình sản xuất giống khoai tây Hà Lan từ cấp giống cấp nguyên chủng (cấp giống nhập khẩu A) với quy mô 10 ha theo hướng VietGAP, năng suất tối thiểu đạt 15 tấn/ha, đạt tiêu chuẩn củ giống theo quy định. Xây dựng mô hình sản xuất khoai tây Hà Lan, Pháp thương phẩm theo hướng VietGAP, quy mô 150 ha, khoai tây thương phẩm đảm bảo chất lượng, năng suất tối thiểu đạt 21 tấn/ha. Xây dựng mô hình bảo quản khoai tây giống bằng công nghệ kiểm soát môi trường với thể tích 300m<sup>3</sup>/kho, với quy mô bảo quản 100 tấn/kho bảo quản, thời gian bảo quản từ 9-10 tháng, tỷ lệ hao hụt từ 2-5%.

Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm và sản xuất dong riêng heo chuỗi giá trị tại huyện Sơn Động. Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng thử nghiệm 03 giống dong

giềng (dong riêng DR1, GBVN 28534 và giống dong riêng tía địa phương) có triển vọng tại huyện Sơn Động. Lựa chọn 1-2 giống dong riêng để xây dựng mô hình trồng dong riêng năng suất, chất lượng tại huyện Sơn Động. Xây dựng mô hình sản xuất miễn dong liên kết hợp tác xã, tiêu thụ sản phẩm miễn dong Sơn Động.

*\* Cây ăn quả*

Xây dựng thành công mô hình sản xuất vải thiều theo tiêu chuẩn GlobalGAP, diện tích 20 ha, 32 hộ tham gia tại thôn Chảo cũ, xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn. Mô hình đã được Tổ chức Agro Management (Đan Mạch) cấp chứng nhận GlobalGAP ngày 29/8/2017. Triển khai và hoàn thành các thí nghiệm về Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sơ chế, xử lý quả vải tươi theo công nghệ của công ty Juran (Israel) tại Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch. Tổ chức Đoàn công tác đi Israel làm việc với công ty Juran và ký kết Biên bản thỏa thuận về các điều kiện cụ thể để nhập khẩu dây chuyền xử lý quả vải. Ký kết hợp đồng ủy thác nhập khẩu dây chuyền thiết bị kèm theo chuyển giao công nghệ giữa Trung tâm Ứng dụng KH&CN với CTCP xuất nhập khẩu thực phẩm Toàn Cầu. Trên cơ sở đó, CTCP xuất nhập khẩu thực phẩm Toàn Cầu đã ký hợp đồng nhập khẩu dây chuyền thiết bị với công ty Juran (Israel). Công ty Juran đã sản xuất xong dây chuyền, đã vận chuyển về Việt Nam lắp đặt và bảo quản thử nghiệm quả vải tươi trong vụ vải năm 2018, 2019.

Nghiên cứu tuyển chọn cây đầu dòng và một số biện pháp kỹ thuật thâm canh nhằm tăng năng suất, chất lượng cây vú sữa tại huyện Tân Yên. Tuyển chọn được 15-20 cây đầu dòng giống cây vú sữa trồng tại huyện Tân Yên, đạt tiêu chuẩn làm giống. Xây dựng mô hình 02 ha trồng mới cây vú sữa được tuyển chọn từ cây đầu dòng, mô hình 05 ha cây vú sữa áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh tại xã Hợp Đức. Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật cắt tỉa, bón phân, hoàn thiện kỹ thuật nhân giống cho cây vú sữa phù hợp với điều kiện của huyện Tân Yên.

Xây dựng mô hình trồng mới thâm canh giống cam sạch bệnh V2 và CS1 trên địa bàn huyện Lạng Giang. Dự án có mục tiêu xây dựng mô hình trồng mới thâm canh giống cam sạch bệnh V2 và CS1 quy mô 15 ha, cây sinh trưởng tốt, tỷ lệ cây sống trên 98%; xây dựng mô hình tưới nhỏ giọt cho cam với quy mô 03 ha, tiết kiệm nước và phân bón, năng suất dự kiến tăng 10-15%.

Ứng dụng tiến bộ KH&CN sản xuất nhãn chín muộn PHM99-1.1, bưởi đỏ Hòa Bình và ôi ODL1 tại huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Mục tiêu của dự án là triển khai 0,2 ha vườn ươm giống, công suất 10 vạn cây/năm; xây dựng mô hình 90 ha (30 ha bưởi, 10 ha ôi, 50 ha nhãn), trong đó trồng mới 10 ha và ghép cải tạo 40 ha.

Ứng dụng công nghệ cao xây dựng mô hình sản xuất dưa lê Hàn Quốc super 007 honey theo chuỗi tại huyện Yên Dũng với quy mô 3.000m<sup>2</sup> nhà lưới, sử dụng giá thể kết hợp hệ thống cung cấp dinh dưỡng tự động; năng suất dự kiến đạt 30-35 tấn/ha.

*\* Cây chè*

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng vùng chè Yên Thế năng suất, chất lượng phục vụ xuất khẩu. Xây dựng mô hình thâm canh một số giống chè mới với quy mô 20 ha (giống LDP1, PH11, PH8, Kim Tuyên) tại các xã Xuân Lương, Tam Tiến, Canh Nậu, Đồng Tâm; năng suất dự kiến sau năm thứ 3 đạt 2,5-3,0 tấn/ha, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng chè xuất khẩu, tạo vùng sản xuất chè bền vững. Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước kết hợp với dinh dưỡng theo công nghệ

tưới nhỏ giọt của Israel cho cây chè tại xã Tam Tiến với quy mô 01 ha. Hoàn thiện các quy trình kỹ thuật thâm canh chè; quy trình tưới nước kết hợp dinh dưỡng bằng công nghệ nhỏ giọt của Israel; quy trình kỹ thuật bón phân, đốn hái phù hợp với nương chè trong điều kiện có tưới bằng công nghệ tưới nhỏ giọt của Israel.

*\* Cây lúa*

Xây dựng mô hình chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ lúa Nhật Japonica bằng giống Nihonmai trên địa bàn huyện Lạng Giang, quy mô 150 ha, năng suất trung bình 55-60 tạ/ha, hiệu quả kinh tế tăng 30-35% so với giống lúa thường ở địa phương như Khang Dân 18. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh lúa Nhật Japonica bằng giống Nihonmai phù hợp với điều kiện canh tác của địa phương.

*\* Nấm*

Ứng dụng tiến bộ KH&CN trong sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và phát triển thương hiệu nấm trên địa bàn tỉnh. Dự án có mục tiêu xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao sản xuất giống nấm dạng dịch thể (linh chi, mộc nhĩ), rút ngắn được 10% tổng thời gian nhân giống, tỷ lệ nhiễm < 5%, công suất 80-100 lít/mẻ nhân giống, quy mô đạt 2.000 lít giống/năm; xây dựng mô hình sản xuất nấm thương phẩm 2 giống nấm (linh chi, mộc nhĩ) với quy mô 100 tấn nguyên liệu/giống nấm, năng suất nấm tăng 5-10%; xây dựng mô hình sản xuất thương phẩm 2 giống nấm chất lượng cao (nấm kim phúc, chân dài) quy mô 30-50 tấn nguyên liệu/giống nấm; thiết lập và vận hành mô hình quản lý nhãn hiệu tập thể “nấm Lạng Giang”.

*\* Cây dược liệu*

Nghiên cứu bảo tồn và phát triển cây trà hoa vàng trên địa bàn tỉnh. Đề tài có mục tiêu thu thập và xác định được từ 2-3 loài trà hoa vàng có hoạt chất tốt làm cơ sở cho việc nhân giống và phát triển cây trà hoa vàng trên địa bàn tỉnh; xây dựng vườn nhân giống quy mô 5.000 cây trà hoa vàng bằng biện pháp giâm cành; mô hình trồng thâm canh cây trà hoa vàng quy mô 03 ha.

Xây dựng mô hình trồng đỉnh lăng lá nhỏ và sản xuất một số sản phẩm từ đỉnh lăng. Mục tiêu dự án xây dựng mô hình trồng cây dược liệu đỉnh lăng theo một số tiêu chí GACP-WHO với quy mô 2 ha, cây sau trồng năm thứ 3 năng suất tươi lấy mẫu  $\geq 1$  kg/cây. Nghiên cứu quy trình chiết xuất một số hợp chất từ đỉnh lăng. Nghiên cứu sản xuất thử tạo sản phẩm 200 hộp trà túi lọc đỉnh lăng (85 gr/hộp), sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đăng ký tiêu chuẩn cơ sở. Nghiên cứu sản xuất thử tạo sản phẩm 200 chai rượu đỉnh lăng (thể tích 650 ml/chai), sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đăng ký tiêu chuẩn cơ sở.

Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình sản xuất và phát triển nấm lim xanh tại huyện Sơn Động; ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình nhân giống trồng và sơ chế Ba kích, Cà gai leo đạt tiêu chuẩn GACP-WHO; ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình sản xuất và tiêu thụ 2 giống hoa lan: Hoàng vũ (*Cymbidium sinense*) làm cảnh và Thạch斛 (*Dendrobium nobile* Lindl) làm thuốc theo chuỗi giá trị tại huyện Hiệp Hòa; ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình nhân giống, trồng, thu hái, sơ chế, bảo quản cát sâm, sâm cau theo một số tiêu chí GACP-WHO và làm nguyên liệu sản xuất cao sâm cau làm dược và siro ho làm dược.

**3.1.2. Về chăn nuôi**

*\* Con lợn:*



Xây dựng thành công mô hình chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ thịt lợn an toàn tại huyện Tân Yên. Kiện toàn về tổ chức và hoạt động của Hội chăn nuôi lợn sạch huyện Tân Yên. Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo hướng VietGAHP tại 02 trại nuôi lợn của xã Ngọc Châu, quy mô nuôi từ 200 con lợn thịt/mô hình. Ứng dụng chế phẩm sinh học để hạn chế tối đa việc sử dụng kháng sinh để phòng, trị bệnh và hóa chất thực hiện tiêu độc khử trùng trang trại. Xây dựng 01 điểm giết mổ lợn sạch tại thị trấn Cao Thượng, công suất 10-15 con/ngày. Xây dựng 03 điểm tiêu thụ lợn sạch tại huyện Tân Yên và thành phố Bắc Giang.

*\* Con gà:*

Xây dựng thành công 10 cơ sở chăn nuôi gà an toàn dịch bệnh, quy mô 500 con/cơ sở trên địa bàn các xã Đồng Tâm, Tiến Thắng, Tam Tiến, Đồng Kỳ, Phồn Xương huyện Yên Thế. Cấp chứng nhận cơ sở “an toàn dịch bệnh” đối với cơ sở chăn nuôi gà bố mẹ. Xây dựng 05 cơ sở chăn nuôi gà thịt an toàn dịch bệnh với quy mô 1.000 con/cơ sở. Cấp chứng nhận cơ sở “an toàn dịch bệnh” đối với cơ sở chăn nuôi gà thịt. Sử dụng vắc xin phòng bệnh cho đàn gà; vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi gà.

Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi gà lai hướng trứng HA theo chuỗi giá trị phục vụ phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Bắc Giang (dự án đang trong giai đoạn bắt đầu triển khai).

*\* Con bò:*

Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt lai Blanc- Blue-Belge (BBB) thương phẩm thành hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (dự án đang trong giai đoạn bắt đầu triển khai).

### **3.1.3. Về thủy sản**

Nghiên cứu, nuôi thử nghiệm trai nước ngọt lấy ngọc tại huyện Lục Nam. Mục tiêu đề tài nghiên cứu, xây dựng mô hình nuôi thử nghiệm 6.000 con trai nước ngọt lấy ngọc, tỷ lệ sống trai sau cấy đạt 80%; tỷ lệ tạo ngọc 75%; tỷ lệ ngâm nhân 55% sau 2 năm (đạt trung bình 2,2 nhân/4 nhân cấy vào); chất lượng ngọc loại 1 đạt 30%; ngọc loại 2 đạt 40%; ngọc loại 3 đạt 25%; trong đó 5% ngọc không sử dụng được. Tiếp nhận công nghệ, hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi trai nước ngọt lấy ngọc phù hợp với điều kiện địa phương.

Giới thiệu cho người dân ứng dụng các chế phẩm sinh học, ứng dụng công nghệ phòng, chống dịch bệnh trong chăn nuôi thủy sản và giảm ô nhiễm môi trường.

### **3.1.4. Về lâm nghiệp**

Nghiên cứu, trồng thử nghiệm các giống bạch đàn lai UG24 và UG54 có năng suất cao đã được công nhận vào trồng rừng sản xuất tại huyện Yên Thế, Lục Nam, Sơn Động. Đề tài có mục tiêu xây dựng được mô hình trồng thử nghiệm 06 ha giống bạch đàn lai UG24, UG54 nhằm đánh giá sinh trưởng và xác định được một số biện pháp kỹ thuật trồng thâm canh; xây dựng được mô hình vườn cây đầu dòng cung cấp hom giống bạch đàn lai UG24, UG54 với quy mô 10.000 cây giống, tỷ lệ hom ra rễ bước đầu đạt 60% trở lên.

Ứng dụng KH&CN trong việc tạo giống và trồng thâm canh rừng kinh tế bằng giống keo tai tượng xuất xứ Pongaki tại tỉnh Bắc Giang. Dự án có mục tiêu xây dựng được mô hình vườn giống thế hệ 2 bằng giống keo tai tượng xuất xứ Pongaki, năng suất dự kiến 02 triệu cây/năm; xây dựng được mô hình trồng thâm canh giống

keo tai trọng xuất xứ Pongaki, tỷ lệ sống của cây rừng đạt từ 90% trở lên, năng suất đạt từ 20m<sup>3</sup>/ha/năm, tăng tối thiểu 20% so với giống đại trà.

Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất giá thể bầu hữu cơ trong nhân giống cây keo, bạch đàn nhằm nâng cao hiệu quả trồng rừng và thúc đẩy phát triển kinh tế lâm nghiệp của tỉnh. Mục tiêu của đề tài nghiên cứu và lựa chọn công thức phối trộn các thành phần hữu cơ tạo bầu phù hợp với từng đối tượng là cây keo, cây bạch đàn; nghiên cứu hoàn thiện công nghệ khử nấm hại rễ trong giá thể bầu hữu cơ; xây dựng mô hình sản xuất giá thể bầu hữu cơ, gieo ươm 10.000 cây con keo và bạch đàn với tỷ lệ sống 95% đối với cây hạt, 75% đối với cây mô và 79% đối với cây hom; xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây con gieo ươm bằng bầu hữu cơ quy mô 40 ha.

Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS nghiên cứu vật liệu cháy trong các kiểu rừng phục vụ công tác phòng chống cháy rừng tại tỉnh Bắc Giang và ứng phó với biến đổi khí hậu. Mục tiêu của đề tài xây dựng bản đồ phân loại thảm thực vật rừng dễ cháy tỷ lệ 1/25000, phạm vi thử nghiệm tại 01 huyện; xây dựng phần mềm, thành lập bản đồ phân cấp nguy cơ cháy rừng tỷ lệ 1/25000 để cảnh báo nguy cơ cháy rừng.

Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát sự thay đổi diện tích rừng và đất lâm nghiệp bằng công nghệ viễn thám, phục vụ phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Bắc Giang. Mục tiêu của đề tài xây dựng phần mềm ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS cho phép giám sát sự thay đổi rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp (các vùng trọng điểm), giai đoạn 2015-2017; đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý rừng và đất lâm nghiệp bền vững ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Bắc Giang.

### **3.2. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao; tổng kết kinh nghiệm sản xuất ở địa phương; hợp tác quốc tế để chọn giải pháp công nghệ có hiệu quả**

Ưu tiên đầu tư kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp KH&CN của tỉnh và huy động các nguồn kinh phí khác để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, lựa chọn, chuyển giao ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

Nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm và chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao vào sản xuất như: công nghệ sinh học, công nghệ di truyền, công nghệ nuôi cấy mô, công nghệ biến đổi gen, công nghệ lai tạo giống,...trong đó tập trung vào các loại giống cây trồng, vật nuôi có thế mạnh của tỉnh như: rau chế biến, rau an toàn, hoa, nấm, cây ăn quả, cây dược liệu, bạch đàn, keo, lợn, gà, bò, cá,... Nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao quy trình canh tác, quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ cao trong sản xuất như: sản xuất rau, hoa, nấm trong nhà lưới, nhà màng, nhà lạnh; sản xuất rau theo phương pháp thủy canh; sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, GACP-WHO,... đối với từng loại cây trồng, vật nuôi.

Nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao và chọn tạo các loại vật tư, phân bón thế hệ mới, các chế phẩm sinh học, máy móc, thiết bị phục vụ trong nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trừ dịch bệnh cây trồng, vật nuôi và thủy sản.

Nghiên cứu tiềm năng ứng dụng, chuyển giao các quy trình công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ cao trong bảo quản, chế biến nông sản như: công nghệ giết mổ tập trung, kho lạnh bảo quản sản phẩm,...

Phối hợp với các viện nghiên cứu, các trường đại học, các doanh nghiệp lớn để hợp tác, chuyển giao, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó chú trọng phối hợp với Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Di truyền nông nghiệp,...

Tăng cường hợp tác quốc tế để chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ KH&CN tiên tiến phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Làm việc với Đoàn chuyên gia Israel, Hàn Quốc,... tìm hiểu cơ hội hợp tác trong lĩnh vực bảo quản và xuất khẩu nông sản của tỉnh.

### **3.3. Phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, xây dựng liên kết chuỗi giá trị bền vững trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

Phối hợp với các chủ sở hữu giữ vững và nâng cao thương hiệu nông sản hàng hóa đã được đăng ký bảo hộ; đồng thời xây dựng và phát triển một số thương hiệu sản phẩm hàng hóa trong thời gian tới như: chỉ dẫn địa lý vải thiều Lục Ngạn, sâm nam Núi Dành; nhãn hiệu chứng nhận chè khô Yên Thế, bưởi Hiệp Hòa; nhãn hiệu tập thể rau an toàn Đa Mai, bưởi Lục Ngạn, cam Lục Ngạn, táo Lục Ngạn, chanh đào Lạng Giang, gà giống Hiệp Hòa, gà đồi Lục Ngạn, hoa chất lượng cao Đình Trì, khoai sọ Khám Lạng, hành tía Tân Yên, lạc giống Hiệp Hòa, dê núi Yên Thế, ổi Tân Yên...

Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Đề phát triển sản phẩm vải thiều hương tới đạt tiêu chí sản phẩm quốc gia, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Tổ chức trao bằng chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm trong nước và ngoài nước cho một số sản phẩm nông sản của tỉnh, cụ thể:

- Các sản phẩm được bảo hộ nước ngoài gồm:
  - + Bằng chứng nhận nhãn hiệu “Mỳ Chũ”, “Mỳ Ké” được bảo hộ tại Nhật Bản; Hàn Quốc; Lào, Thái Lan;
  - + Bằng chứng nhận nhãn hiệu “Mỳ Ké” được bảo hộ tại Trung Quốc;
  - + Bằng chứng nhận nhãn hiệu “Gà đồi Yên Thế” được bảo hộ tại Singapore, Trung Quốc, Lào;
  - + Bằng chứng nhận nhãn hiệu “Vải thiều Lục Ngạn” được bảo hộ tại Mỹ, Australia, Singapore.
- Các sản phẩm được bảo hộ trong nước gồm:
  - + Bằng chứng nhận đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Bưởi Hiệp Hòa”, “Chè Yên Thế”;
  - + Bằng chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể: “Rau sạch Yên Dũng”, “Vú sữa Tân Yên”.

### **3.4. Tăng cường quản lý nhà nước đối với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Quản lý thị trường tỉnh tăng cường quản lý về tiêu

chuẩn, đo lường, chất lượng đối với quá trình sản xuất, cung ứng giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các chế phẩm, hóa chất độc hại, chất cấm trong sản xuất và bảo quản nông sản, thực phẩm. Tiếp tục hướng dẫn triển khai việc xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp, bền vững môi trường. Cử cán bộ tham gia thẩm định tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các nhà màng, nhà lưới được nhà nước hỗ trợ kinh phí triển khai.

### **3.5. Nguồn lực đầu tư hỗ trợ cho nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

Tổng kinh phí đầu tư hỗ trợ: 159.163.826.000 đồng, trong đó:

+ Ngân sách sự nghiệp KH&CN trung ương hỗ trợ: 38.280.000.000 đồng.

+ Ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh hỗ trợ: 39.985.561.000 đồng.

+ Ngân sách huyện hỗ trợ: 1.550.000.000 đồng.

+ Vốn tự có của các tổ chức, cá nhân: 79.348.265.000 đồng.

### **4. Về xây dựng kết cấu hạ tầng**

Sở KH&CN đã nghiêm túc thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030 (giai đoạn 2016-2020). Phối hợp với các sở, ngành xây dựng định hướng hoạt động KH&CN hàng năm, trong đó đề nghị các tổ chức, cá nhân đặt hàng hoặc đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng KH&CN thuộc lĩnh vực phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông.

### **5. Về phát triển đô thị**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu- ứng dụng KH&CN nhằm tập trung nguồn lực phát triển mạnh kinh tế, tạo nguồn lực cho mở rộng, nâng cấp đô thị.

Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng dự thảo, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch số 2873/KH-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh triển khai xây dựng Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa UBND tỉnh Bắc Giang với Tập đoàn Viễn thông Quân đội về xây dựng thành phố thông minh giai đoạn 2017-2020. Cử Lãnh đạo Sở và cán bộ tham gia Ban chỉ đạo xây dựng thành phố thông minh; Tổ Thư ký giúp việc Ban chỉ đạo xây dựng thành phố thông minh và triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Nghiên cứu giải pháp công nghệ, hiện đại hóa trong công tác quản lý, vận hành hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố Bắc Giang. Thiết kế, chế tạo mô hình hệ thống điều khiển đèn chiếu sáng công cộng từ trung tâm qua mạng thông tin di động trên nền Webserver nhằm hiện đại hóa trong quản lý, vận hành hệ thống đèn chiếu sáng công cộng. Mục tiêu điều khiển để tiết kiệm 30% lượng điện năng tiêu thụ trong chiếu sáng công cộng, giảm chi phí nhân công vận hành hệ

thông. Tiến hành đánh giá hiện trạng hệ thống chiếu sáng công cộng và nghiên cứu các giải pháp công nghệ điều khiển đèn chiếu sáng công cộng đã áp dụng tại thành phố Bắc Giang; nghiên cứu, thiết kế hệ thống điều khiển chiếu sáng công cộng từ trung tâm; nghiên cứu, chế tạo hệ thống điều khiển đèn chiếu sáng công cộng điều khiển từ trung tâm với sản phẩm là 02 tủ điều khiển chiếu sáng công cộng có công suất 30kVA (cấp điện đủ cho 80 bóng đèn 250W, tương ứng với chiều dài tuyến đường khoảng 3,2 km), điều khiển và giám sát từ trung tâm (mỗi tủ điều khiển gồm: bộ điều khiển của tủ điện, bộ truyền tín hiệu điều khiển qua mạng thông tin di động, bộ đo các tham số về điện: dòng điện, điện áp). Nghiên cứu thiết kế, xây dựng các chương trình điều khiển, xây dựng phần mềm tại trung tâm điều khiển. Thử nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị và lắp đặt, hướng dẫn vận hành hệ thống điều khiển đèn chiếu sáng công cộng tại thành phố Bắc Giang.

Nghiên cứu, khảo sát đánh giá thực trạng 5 tuyến phố chính của thành phố Bắc Giang (đường Hùng Vương, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn Thụ, Lê Lợi, Trần Nguyên Hãn) nhằm đánh giá hình thức kiến trúc công trình, hiệu quả sử dụng không gian kiến trúc cảnh quan, tình hình quản lý và kiểm soát không gian trên tuyến. Xây dựng bộ hồ sơ cơ sở kiến trúc công trình cho các nhóm công trình hai bên 5 tuyến phố chính của thành phố Bắc Giang (tư liệu thống kê, hình ảnh minh họa dùng làm công cụ quản lý cho chính quyền thành phố). Ứng dụng GIS xây dựng phần mềm hướng dẫn phục vụ công tác quản lý cho chính quyền đô thị các cấp trong kiểm soát kiến trúc cảnh quan để quản lý phát triển 5 tuyến phố chính của thành phố Bắc Giang.

Tham gia đóng góp ý kiến triển khai hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị thành phố Bắc Giang thuộc chương trình phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2- dự án thành phần tỉnh Bắc Giang. Tổ chức thẩm định công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án Khu dân cư chợ Cốc, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang và dự án Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa, làm cơ sở để Chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án.

## **6. Về bảo vệ tài nguyên, môi trường**

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 139-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 139-NQ/TU về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020; Kết luận số 43-KL/TU ngày 11/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Chủ động rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 về việc Quy định thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Theo đó tăng cường công tác thẩm định công nghệ đối với các dự án đầu tư có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp, bao gồm: dự án xử lý, tái chế chất thải; dự án sản xuất năng lượng; dự án dệt nhuộm, thuộc da; dự án sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; dự án sản xuất bột giấy; dự án sản xuất phôi thép. Qua thẩm định đã yêu cầu các công nghệ được đề xuất phải phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế, loại chất thải và đáp ứng các quy định có liên quan; khuyến khích công nghệ mới, tiên tiến, sử dụng thiết bị

chế tạo sẵn nhằm tiết kiệm chi phí, rút ngắn thời gian thi công, đồng thời đem lại hiệu quả cao. Cấp 04 giấy Chứng hợp đồng chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp. Các thủ tục, nội dung, điều kiện của hợp đồng đảm bảo thực hiện theo quy định. Cử cán bộ tham gia hội đồng đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư, qua đó góp phần ngăn chặn những công nghệ lạc hậu, công nghệ cấm chuyển giao, công nghệ gây ô nhiễm môi trường khi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với Vụ Đánh giá Thẩm định và Giám định công nghệ– Bộ KH&CN để tổ chức thẩm định công nghệ dự án đầu tư của Công ty TNHH JASOLAR Việt Nam tại Khu công nghiệp Quang Châu, kết quả thẩm định đạt yêu cầu. Cử cán bộ tham gia giám sát việc thực hiện các cam kết của nhà đầu tư về công nghệ, máy móc, thiết bị theo yêu cầu tại Công văn số 251/UBND-CN ngày 23/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh, báo cáo kết quả với Bộ KH&CN.

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Quản lý thị trường tỉnh tăng cường quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đối với quá trình sản xuất, cung ứng giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các chế phẩm, hóa chất độc hại, chất cấm trong sản xuất và bảo quản nông sản, thực phẩm. Tiếp tục hướng dẫn triển khai việc xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp, bền vững môi trường.

Triển khai 12 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh, cấp quốc gia liên quan đến biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường bao gồm: thử nghiệm mô hình lò đốt rác bằng khí tự nhiên; sản xuất gạch bê tông xi măng cốt liệu từ nguồn tro, xỉ sẵn có; xây dựng phần mềm trực tuyến quản lý và sử dụng đất nông nghiệp; hệ thống thông tin đất đai trực tuyến phục vụ quản lý đất đai; bảo tồn và phát triển nguồn gen (lạc đỏ, sâm nam núi Dành); ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS nghiên cứu vật liệu cháy trong các kiểu rừng phục vụ công tác phòng chống cháy rừng; ứng dụng chế phẩm nano thảo mộc (từ củ nghệ) phòng bệnh thán thư trên cây vải; trồng thử nghiệm các giống bạch đàn lai UG24 và UG54 có năng suất cao đã được công nhận vào trồng rừng sản xuất; tạo giống và trồng thâm canh rừng kinh tế bằng giống keo tai tượng xuất xứ Pongaki...

Các đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng KH&CN phục vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã góp phần quan trọng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường, thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ, văn bản chỉ đạo của tỉnh về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Đồng thời cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn để xây dựng, triển khai các mô hình, giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn nguồn gen và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

Dự án "*Thử nghiệm mô hình lò đốt rác bằng khí tự nhiên cho cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang*" đã triển khai lắp đặt mô hình lò đốt rác thải sinh hoạt bằng khí tự nhiên CNC500 với công suất lớn nhất 500kg/h; ông khói cao 20,5m–đường kính D500mm; 04 buồng đốt; Kích thước lò: 1800x2350x3861mm; Trọng lượng: 15 tấn lò đốt rác thải sinh hoạt với diện tích 8 ha tại thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên. Kết quả thực hiện dự án đã xử lý số

lượng đáng kể nguồn rác thải sinh hoạt cho người dân địa phương góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao ý thức xã hội về bảo vệ môi trường.

Dự án "*Xây dựng phần mềm trực tuyến quản lý và sử dụng đất nông nghiệp tại tỉnh Bắc Giang*" đã xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về chất lượng đất đai; cơ sở dữ liệu về kỹ thuật canh tác cho một số cây trồng chính, xây dựng hệ thống các bản đồ chuyên đề và xây dựng phần mềm trực tuyến quản lý và sử dụng đất nông nghiệp qua mạng internet được đăng tải lên trang thông tin của các cơ quan quản lý của tỉnh giúp người quản lý và người sử dụng tra cứu các thông tin về đất, phân bón, kỹ thuật canh tác cho một số cây trồng chính và hệ thống bản đồ chuyên đề tại tỉnh.

### **7. Về phát triển văn hóa, thể thao và du lịch**

Thực hiện Nghị quyết số 44-NQ/TU ngày 30/3/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020, Sở KH&CN đã quan tâm đến hoạt động nghiên cứu- ứng dụng KH&CN trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Cụ thể:

Đề xuất Bộ KH&CN hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia về bảo tồn, phát huy giá trị di sản Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà, gồm: ứng dụng tiến bộ KH&CN để bảo quản di sản Mộc bản; định hướng bảo tồn, phát huy giá trị di sản Mộc bản; nghiên cứu giá trị Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà. Điều tra, nghiên cứu, định hướng bảo tồn bài trí linh vật trên di tích lịch sử văn hóa tỉnh Bắc Giang. Nghiên cứu tiềm năng, đề xuất phương án xây dựng mô hình quản lý phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa, sinh thái và phát triển kinh tế bền vững tỉnh Bắc Giang. Nghiên cứu phát huy giá trị văn hóa làng Thổ Hà gắn với phát triển du lịch. Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý, đào tạo, sử dụng vận động viên thể thao. Nghiên cứu, ứng dụng các tiêu chuẩn trong tuyển chọn ban đầu đối với môn đá cầu.

### **8. Về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Thực hiện Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Triển khai 13 đề tài dự án KH&CN cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực y, được với các nội dung như: nghiên cứu đánh giá phòng bệnh viêm não Nhật Bản bằng vắc xin; nghiên cứu xác định một số căn nguyên vi rút gây hội chứng sốt phát ban; ứng dụng KH&CN trồng cây dược liệu (đinh lăng, nghệ, sâm nam núi Dành, cát sâm, ba kích, cà gai leo); nghiên cứu chiết xuất một số cây dược liệu có thể mạnh của tỉnh để tiến tới sản xuất thực phẩm chức năng, thuốc chữa bệnh cho nhân dân; nghiên cứu, xây dựng bộ chỉ số giám sát một số sản phẩm (rau, thịt) an toàn; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hồ sơ, bệnh án điện tử và công tác chuẩn đoán, khám chữa bệnh ở các tuyến y tế... đã góp phần nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, phục vụ các mục tiêu y tế của quốc gia, của tỉnh.

Đề tài "*Nghiên cứu xác định một số căn nguyên vi rút gây hội chứng não cấp và đánh giá hiệu quả phòng bệnh viêm não Nhật Bản bằng vắc xin tại tỉnh Bắc Giang*" đã cung cấp bằng chứng khoa học về hiệu quả phòng bệnh VNNB bằng vắc xin, về nguy cơ mắc bệnh nếu không áp dụng biện pháp phòng bệnh chủ động bằng tiêm

vắc xin cho đối tượng nguy cơ. Góp phần chuyển biến nhận thức, chuyển đổi hành vi của nhân viên y tế trong việc tuyên truyền tiêm vắc xin phòng bệnh VNNB với 3 liều cơ bản và không quên đến mũi tiêm nhắc lại theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Góp phần chuyển biến nhận thức, chuyển đổi hành vi của người dân trong tiếp cận biện pháp phòng bệnh bằng vắc xin; là cơ sở giúp cho các nhà quản lý, chuyên môn có chiến lược và biện pháp phòng và điều trị hiệu quả đối với HCNC do vi rút trên địa bàn tỉnh, làm giảm số mắc và tử vong giúp giảm gánh nặng bệnh tật cho gia đình và xã hội, đồng thời giảm thiểu nguy cơ dịch bệnh do vi rút gây HCNC, góp phần ổn định tình hình trật tự xã hội và phát triển kinh tế của tỉnh.

Đề tài “*Nghiên cứu, xây dựng bộ chỉ số giám sát một số sản phẩm (rau, thịt) an toàn nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*” do Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp chủ trì thực hiện nhằm xây dựng Bộ chỉ số là công cụ giám sát quản lý ATTP thông qua việc cung cấp thông tin về cơ chế và hệ thống giám sát cần thiết cho mỗi cấp quản lý ở địa phương về cung ứng các vật tư đầu vào, nhân sự triển khai trong việc tham gia thực hiện và tiến hành tự giám sát về ATTP ở địa phương nhằm nâng cao sức khỏe của đối tượng sử dụng sản phẩm, tăng thu nhập cho người sản xuất. Giúp cho người tiêu dùng tiếp cận được các sản phẩm nông sản đã được giám sát an toàn thực phẩm, yên tâm lựa chọn, người sản xuất kinh doanh tăng sản lượng và giá trị sản xuất kinh doanh, ổn định sản xuất và phát triển bền vững, giúp cơ quan quản lý/kiểm soát ATTP của tỉnh cảnh báo kịp thời, đưa ra biện pháp khắc phục, xử lý vi phạm góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh rau, quả, thịt an toàn cho tiêu dùng và xuất khẩu, bảo đảm hài hòa lợi ích kinh tế và liên kết chặt chẽ giữa khâu sản xuất và khâu tiêu thụ nhằm nâng cao thu nhập cho người sản xuất và cung cấp ra thị trường sản phẩm sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng cao.

### **9. Thực hiện xây dựng chính quyền các cấp**

Thực hiện Nghị quyết số 136-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 140-NQ/TU ngày 23/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020; Sở KH&CN đã đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, đạo đức, công vụ của cán bộ, công chức; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành của cơ quan. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thực hiện tốt nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh. Duy trì cơ chế “một cửa, một cửa liên thông điện tử” theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa bộ thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến cấp phép đầu tư; đăng ký triển khai dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, cấp độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN.

Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh rà soát, sắp xếp lại các đơn vị công lập, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm



Thông tin và Thống kê KH&CN; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Chủ động đề xuất UBND tỉnh sáp nhập 3 Trung tâm để tinh gọn tổ chức bộ máy đồng thời nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp.

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 08/9/2014 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 04/7/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh.

### **10. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát**

Tiến hành tổng số 25 cuộc thanh tra, bao gồm 20 cuộc thanh tra theo kế hoạch (trong đó 02 cuộc thanh tra hành chính và phòng chống tham nhũng), 05 cuộc thanh tra đột xuất. Cụ thể:

Triển khai 24 cuộc thanh tra chuyên ngành, trong đó 19 cuộc theo kế hoạch và 05 cuộc thanh tra đột xuất theo sự chỉ đạo của Bộ KH&CN, UBND tỉnh Bắc Giang. Tổng số đối tượng được thanh tra chuyên ngành gồm 358 cơ sở, trong đó 301 tổ chức và 57 cá nhân đang hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động sự nghiệp hoặc tham gia thực hiện các đề tài, dự án KH&CN trên địa bàn tỉnh. Lĩnh vực thanh tra chuyên ngành chủ yếu bao gồm thanh tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa, thanh tra việc tổ chức thực hiện đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh, cấp nhà nước có sử dụng ngân sách nhà nước, thanh tra việc sử dụng thiết bị X-quang trong y tế đối với các bệnh viện, phòng khám có hoạt động X-quang; thanh tra các đơn vị có sử dụng nguồn phóng xạ. Thanh tra Sở KH&CN chủ trì phối hợp với các cơ quan như: Sở Công Thương, Chi cục Quản lý thị trường, Công an tỉnh, Sở Y tế, Thanh tra tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh đã phát hiện 42 cơ sở có vi phạm. Ban hành 42 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 42 tổ chức, cá nhân. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 123 triệu đồng, được nộp đầy đủ vào Kho bạc Nhà nước tỉnh.

Hàng năm Sở tổ chức các đoàn kiểm tra trong lĩnh vực TCĐLCL, cụ thể: các điểm cân đối chứng; hoạt động kinh doanh sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; các cơ sở kinh doanh vàng, vàng trang sức mỹ nghệ; hàng đóng gói sẵn trong lưu thông trên thị trường; các cơ sở kinh doanh vận tải bằng xe taxi; phương tiện đo nhóm 2, thiết bị giao thông cơ giới; các cửa hàng bán lẻ xăng dầu; các cơ sở sử dụng cân điện tử (cân ô tô); các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đồng hồ đo nước lạnh các cơ sở kinh doanh sản phẩm điện, điện tử; kiểm tra giám sát bên ngoài đối với sản phẩm vải thiều mang chỉ dẫn địa lý Lục Ngạn.

## **III. Ưu điểm và tồn tại, hạn chế**

### **1. Ưu điểm**

Việc triển khai học tập Nghị quyết đã được Sở KH&CN thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian, đảm bảo chất lượng theo quy định. 100% công chức, viên chức, người lao động được học tập Nghị quyết và các văn bản liên quan; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm và tạo sự đồng thuận cao trong nhận thức của công chức, viên chức, người lao động.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Sở đã nghiêm túc xây dựng các kế hoạch liên quan nhiệm vụ của ngành đảm bảo kịp thời, hiệu quả, nghiêm túc. Trong kế hoạch đã phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ thời gian thực hiện, từng cá nhân chịu trách

nhiệm. Để thực hiện Nghị quyết có hiệu quả, Sở KH&CN đã phối hợp với các nhà khoa học của các viện, trường đại học ở trung ương và địa phương; các sở, ngành của tỉnh tham mưu UBND tỉnh tổ chức thành công hội thảo khoa học “*Các giải pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII về lĩnh vực KH&CN*”. Qua đó nhiều ý kiến tâm huyết đã đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của KH&CN đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó, Sở đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức hội thảo khoa học “*Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khoa giáo góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII*”. Trên cơ sở đánh giá kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân trong thực hiện nhiệm vụ công tác khoa giáo đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác tham mưu triển khai, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trên các lĩnh vực khoa giáo, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII. Thường xuyên mời các nhà khoa học đầu ngành của Trung ương và các viện nghiên cứu, trường đại học tham dự các Hội đồng KH&CN của tỉnh, các hội thảo khoa học, hội nghị, tọa đàm,... Các hoạt động đó góp phần triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức và Nghị quyết Trung ương 6 về phát triển KH&CN.

Công tác tham mưu ban hành cơ chế, chính sách liên quan trong lĩnh vực KH&CN được quan tâm. Đã tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành 31 văn bản quản lý, cơ chế, chính sách tạo điều kiện phát triển KH&CN. Chủ động tham mưu HĐND, UBND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2020-2025. Qua đó giúp cho KH&CN của tỉnh ngày càng phát triển và đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

Công tác quản lý nhà nước về KH&CN được tăng cường. Việc xác định nhiệm vụ, xét duyệt, kiểm tra, nghiệm thu đề tài, dự án KH&CN được nâng cao; chất lượng đề tài, dự án hiệu quả hơn, phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương. Các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào thực tiễn; giảm số lượng các đề tài, dự án và tăng quy mô nhằm nâng cao hiệu quả và khả năng nhân rộng kết quả. Khi triển khai các đề tài, dự án hầu hết theo chuỗi giá trị, từ khâu lựa chọn giống tốt đến quy trình canh tác tiên tiến, công nghệ bảo quản phù hợp, xây dựng thương hiệu và bao tiêu sản phẩm; đặc biệt ưu tiên các dự án có doanh nghiệp tham gia. Chú trọng ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao. Từ năm 2016 đến nay đã huy động được tổng kinh phí đầu tư hỗ trợ triển khai các dự án ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao là: 159.163.826.000 đồng, trong đó ngân sách sự nghiệp KH&CN trung ương hỗ trợ: 38.280.000.000 đồng; ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh hỗ trợ: 39.985.561.000 đồng; ngân sách huyện hỗ trợ: 1.550.000.000 đồng và vốn tự có của các tổ chức, cá nhân: 79.348.265.000 đồng. Việc triển khai các đề tài, dự án ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp đã góp phần nâng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp. Hiệu quả kinh tế của các mô hình tăng 30-40% so với sản xuất thông thường; giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, bảo đảm môi trường; nhiều chủng loại giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng, giá trị cao được đưa vào sản xuất, tạo sự đa dạng về sản phẩm, đáp ứng nhu

cầu ngày càng cao của thị trường, tạo vùng nguyên liệu tập trung phục vụ chế biến, xuất khẩu.

Tham mưu, đề xuất nhiều dự án cấp quốc gia nhằm tăng cường nguồn lực KH&CN của tỉnh đảm bảo tăng quy mô của các đề tài, dự án, nâng cao hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN. Triển khai thực hiện 76 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp quốc gia, trong đó có 62 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh, 14 đề tài, dự án KH&CN cấp quốc gia ở các lĩnh vực nông nghiệp và PTNT (50 đề tài, dự án), y tế giáo dục (6 đề tài, dự án), văn hóa, xã hội (7 đề tài dự án), lĩnh vực khác (13 đề tài, dự án). Triển khai 778 đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở. Các đề tài dự án góp phần thực hiện cụ thể hóa các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Một số đề tài, dự án có hiệu quả tốt như: xây dựng mô hình trồng nghệ theo hướng GACP và phát triển vùng nguyên liệu cho sản xuất curcumin từ củ nghệ làm thực phẩm chức năng và một số sản phẩm có giá trị cao từ cây nghệ tại Bắc Giang; ứng dụng tiến bộ KHKT phát triển vùng sản xuất khoai tây thương phẩm bằng giống khoai tây Hà Lan (giống nhập khẩu) tại một số vùng trồng khoai tây của tỉnh cho năng suất đạt 20-22 tấn/ha (số liệu thống kê năm 2015 năng suất khoai tây trung bình của cả nước đạt 15 tấn/ha). Dự án Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng vùng chè Yên Thế năng suất, chất lượng phục vụ xuất khẩu được triển khai tại 5 xã với quy mô 20 ha với sự tham gia của 197 hộ dân, bằng các giống chè LDP1, PH11, PH8, Kim Tuyên; các giống chè có tỷ lệ sống 81,5% - 89,1%; năng suất chè tuổi 2 đạt cao nhất là 2,61 tấn/ha và thấp nhất là 2,17 tấn/ha, dự kiến sang giai đoạn tuổi 3 năng suất đạt trên 3 tấn/ha. Chất lượng sản phẩm chè chế biến từ nguyên liệu của các giống chè trong dự án đều có chất lượng đảm bảo theo Tiêu chuẩn 10 TCVN 121:1989. Ngoài ra đã áp dụng công nghệ tưới nước kết hợp dinh dưỡng bằng phương pháp nhỏ giọt của Israel cho thấy các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cao hơn phương pháp truyền thống, hiệu quả kinh tế đạt 160,9 triệu đồng/ha/năm, cao hơn nương chè sử dụng phương pháp tưới truyền thống 85,5 triệu đồng/ha/năm. Quan tâm tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Chè Yên Thế” dùng cho sản phẩm chè khô của huyện Yên Thế giúp nâng cao giá trị cho sản phẩm. Ứng dụng tiến bộ KH&CN trong sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và phát triển thương hiệu nấm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao sản xuất giống nấm dạng dịch thể (linh chi, mộc nhĩ) rút ngắn được 10% tổng thời gian nhân giống, tỷ lệ nhiễm trung bình từ 3,8-4,2%. Việc sử dụng giống nấm dạng dịch thể vào sản xuất nấm thương phẩm giảm đầu tư chi phí ban đầu 30-40% so với sản xuất nấm thương phẩm bằng giống nấm dạng cơ chất theo phương pháp truyền thống. Xây dựng thành công mô hình sản xuất nấm thương phẩm mộc nhĩ, linh chi, kim phúc, chân dài, đem lại hiệu quả kinh tế tăng từ 7-10% so với sản xuất bằng phương pháp truyền thống. Nghiên cứu tuyển chọn cây đầu dòng và một số biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng năng suất, chất lượng cây vú sữa tại huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Công nhận được 20 cây vú sữa đạt tiêu chuẩn cây đầu dòng. Hiệu quả kinh tế của mô hình thâm canh vú sữa có áp dụng các biện pháp kỹ thuật bình quân đạt 15,9 tấn quả/ha/năm, lãi thuần thu được trung bình đạt gần 312 triệu đồng/ha/năm. Nghiên cứu giải pháp tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay. Từ kết quả nghiên

cứu và các giải pháp được đề xuất, đề tài đã biên soạn và in ấn cuốn Sổ tay công tác bí thư chi bộ doanh nghiệp tỉnh Bắc Giang và thực hiện 02 mô hình thí điểm áp dụng một số giải pháp chủ yếu đề tài đã nghiên cứu tại Chi bộ công ty Ngôi sao và Chi bộ CTCP dây và cáp điện Hàn Quốc, đến nay hoạt động của Chi bộ đã có chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể vững mạnh. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của đề tài, ban chỉ đạo tỉnh về củng cố, phát triển tổ chức Đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước đã ban hành Kết luận số 109-KL/BCĐ về tiếp tục thực hiện kế hoạch củng cố, phát triển tổ chức Đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Công tác thẩm định công nghệ và đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư được tăng cường, đặc biệt quan tâm đến các dự án đầu tư có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp, bao gồm: dự án xử lý, tái chế chất thải; dự án sản xuất năng lượng; dự án dệt nhuộm, thuộc da; dự án sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; dự án sản xuất bột giấy; dự án sản xuất phôi thép. Đã chủ trì thẩm tra công nghệ 56 dự án đầu tư; tham gia 187 Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tham gia ý kiến về công nghệ đối với hồ sơ đề nghị chấp nhận chủ trương đầu tư, đề nghị thực hiện dự án, đề nghị thay đổi của 126 dự án đầu tư; cho ý kiến về công nghệ đối với thiết kế cơ sở; thiết kế bản vẽ thi công 50 dự án; tham gia ý kiến về công nghệ đối với 20 dự án. Trên cơ sở đó kiến nghị UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án có nội dung liên quan đến chuyển giao công nghệ theo đúng quy định của pháp luật và giúp các chủ đầu tư quyết định phương án đầu tư có hiệu quả, góp phần cải thiện môi trường đầu tư. Thủ tục thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư được thực hiện nhanh chóng, đúng thời gian quy định, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiến hành các thủ tục xin cấp giấy phép đầu tư.

Quan tâm đến chuyển giao các công nghệ mới, bảo quản tiên tiến như: bảo quản tươi quả vải thiều bằng công nghệ của công ty Juran (Israel), màng bao gói biến đổi khí quyển MAP; bảo quản vải thiều đông lạnh bằng công nghệ CAS của Nhật Bản; bảo quản cam bằng màng chitosan, bảo quản khoai tây bằng công nghệ kiểm soát môi trường,...

Việc xây dựng thương hiệu và quảng bá thương hiệu được quan tâm. Đã tổ chức trao văn bằng bảo hộ nhãn hiệu trong nước và nước ngoài cho một số sản phẩm nông sản tỉnh Bắc Giang: mỳ Chũ, mỳ Ké, gà đồi Yên Thế, vải thiều Lục Ngạn, bưởi Hiệp Hòa, chè Yên Thế, rau sạch Yên Dũng, vú sữa Tân Yên. Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Phát triển sản phẩm vải thiều hướng tới đạt tiêu chí sản phẩm quốc gia”. Phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ KH&CN triển khai thực hiện Dự án đăng ký chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản cho vải thiều Lục Ngạn. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương thực hiện Kế hoạch số 802/KH-UBND của UBND tỉnh về xây dựng và phát triển thương hiệu sản nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2014-2020. Đến ngày 31/10/2019, toàn tỉnh có 1.486 đơn đăng ký bảo hộ, đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp 817 văn bằng bảo hộ; trong đó gồm 01 chỉ dẫn địa lý; 04 nhãn hiệu chứng nhận; 51 nhãn hiệu tập thể; 02 sáng chế; 06 giải pháp hữu ích;

52 kiểu dáng công nghiệp, còn lại là các đối tượng khác. Qua đó góp phần nâng cao sức cạnh tranh, làm tăng danh tiếng của sản phẩm, đặc biệt là nông sản chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước; góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

Công tác xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 trong cơ quan nhà nước tiếp tục được tăng cường. Thực hiện chấm điểm việc áp dụng TCVN ISO 9001 trong đánh giá công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị. Tích cực triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai ISO cấp xã đảm bảo mục tiêu đến hết năm 2019 có trên 70% số xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh áp dụng ISO, 100% cơ quan, đơn vị bắt buộc phải áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ hoàn thành việc triển khai áp dụng ISO, góp phần nâng cao chỉ số CCHC của tỉnh. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình tham gia giải quyết các thủ tục hành chính.

Quan tâm hoạt động tư vấn, dịch vụ KH&CN. Giới thiệu nhân rộng mô hình sử dụng chế phẩm sinh học, dịch vụ, cung cấp hơn 32.000 lít Emina trong trồng trọt, cải tạo đất, chăn nuôi và xử lý môi trường, khử mùi hôi, giảm các chất độc hại và ruồi muỗi trong môi trường; hơn 1.700kg chế phẩm Fito-Biomix RR, hơn 200 lit chế phẩm khử H<sub>2</sub>S xử lý rơm rạ làm phân hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn. Tổ chức sản xuất và tiêu thụ các loại chế phẩm sinh học, dung dịch dinh dưỡng phục vụ chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, xử lý ô nhiễm môi trường,...Liên kết, hợp tác với một số đơn vị để sản xuất, giới thiệu sản phẩm: phân viên nén nhả chậm; hệ thống trồng rau thủy canh,... Tổ chức 28 lớp tập huấn về ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật cho hàng nghìn lượt người như: kỹ thuật sử dụng chế phẩm EMINA trong trồng trọt, chăn nuôi, xử lý môi trường, quy trình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, kỹ thuật nuôi con đặc sản trên địa bàn tỉnh,...

Công tác thông tin KH&CN được đẩy mạnh. Biên tập, phát hành 34.000 cuốn lịch KH&CN. Các trang thông tin KH&CN của Sở đã có trên 22,4 triệu lượt người truy cập, khai thác thông tin phục vụ sản xuất và đời sống. Thực hiện thí điểm việc cung cấp thông tin KH&CN trên điện thoại di động cho người dân phục vụ sản xuất và đời sống.

## **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

- Việc chấp hành quy định của các cơ sở, doanh nghiệp trong lĩnh vực TCĐLCL đã được quan tâm thực hiện nhưng chất lượng còn chưa cao.

- Hoạt động kiểm định, thử nghiệm phục vụ công tác QLNN còn hạn chế.

### **2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

- Sự thay đổi của hệ thống văn bản pháp luật đòi hỏi các doanh nghiệp phải tự tìm hiểu các quy định quản lý nhà nước về TCĐLCL; tuy nhiên, ý thức tự tìm hiểu của một số doanh nghiệp còn hạn chế.

- Năng lực kiểm định, hiệu chuẩn của đơn vị còn hạn chế do thiếu trang thiết bị máy móc đồng bộ.

### **2.3. Biện pháp khắc phục**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật đến người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng; tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra để ngăn chặn và chấn chỉnh các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về TCĐLCL.

- Tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền tiếp tục đầu tư chuẩn, trang thiết bị và mở rộng kiểm định, hiệu chuẩn các loại phương tiện đo; phân tích các chỉ tiêu của các loại hàng hóa sản phẩm mang tính chất đặc thù và có số lượng phương tiện đo, mẫu nhiều trên địa bàn.

### **3. Một số kinh nghiệm trong công tác tổ chức triển khai**

Ngay sau khi Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII được ban hành; Đảng ủy, Lãnh đạo Sở KH&CN đã tổ chức quán triệt cho toàn thể cán bộ, đảng viên, lao động hợp đồng trong cơ quan nghiên cứu, học tập và triển khai thực hiện Nghị quyết. Chỉ đạo các phòng chuyên môn xây dựng kế hoạch công tác bám sát với nội dung của Nghị quyết và các văn bản có liên quan của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

Để tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về ý nghĩa và các nội dung Nghị quyết, Chi ủy Sở KH&CN đưa nội dung thực hiện Nghị quyết vào trong nội dung sinh hoạt chi bộ và các kỳ họp của cơ quan để cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc ý nghĩa và tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện Nghị quyết. Trên cơ sở đó tham mưu cho Đảng ủy, Lãnh đạo Sở thực hiện tốt các nội dung liên quan đến lĩnh vực KH&CN.

Lãnh đạo Sở cũng chỉ đạo Trung tâm Ứng dụng KH&CN tăng cường đưa tin tuyên truyền về Nghị quyết và kết quả thực hiện Nghị quyết, đặc biệt tập trung trong lĩnh vực KH&CN trên các website của Sở. Phối hợp với Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Giang, các báo, tạp chí ở Trung ương xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, bài viết tuyên truyền về những định hướng và kết quả hoạt động nghiên cứu- ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế- xã hội. Qua đó góp phần thông tin tuyên truyền về ý nghĩa và các nội dung của Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Thông qua các hình thức tuyên truyền như: tập huấn, hội thảo KH&CN, phát hành các tờ rơi, báo chí, ấn phẩm, lịch KH&CN nhiều tiến bộ KHKT đã đến với người dân làm cho người dân hiểu và áp dụng trong sản xuất làm tăng năng suất và nâng cao đời sống nhân dân. Phối hợp với UBND các huyện, thành phố tổ chức các lớp tập huấn tiến bộ kỹ thuật, phát hành hàng nghìn tờ rơi về quy trình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp cho bà con nông dân; phối hợp với Đài truyền thanh đưa hàng trăm tin, bài về các hoạt động KH&CN.

Sở KH&CN cung cấp miễn phí hàng nghìn cuốn Bản tin KH&CN, lịch KH&CN (nông lịch) phục sản xuất nông nghiệp, nông thôn phát hành đến các cụm Bru điện - Văn hóa xã, các làng văn hóa,... Cung cấp 10.000 cuốn Quy trình kỹ

thuật các loại cây, con có năng suất cao phù hợp với điều kiện của Bắc Giang phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Cung cấp cơ sở dữ liệu các quy trình công nghệ cho các địa phương; phim KH&CN hướng dẫn cho bà con nông dân các quy trình kỹ thuật bằng hình ảnh sinh động, dễ hiểu, dễ áp dụng. Hướng dẫn các địa phương khai thác thông tin KH&CN trên mạng internet. Cơ sở dữ liệu về KH&CN hiện có hàng trăm bộ phim và hàng nghìn quy trình kỹ thuật. Các ấn phẩm thông tin KH&CN ngoài việc phát hành trên hệ thống chung, còn phối hợp với Hội Nông dân tỉnh, các Trung tâm KH&CN, các cán bộ chỉ đạo sản xuất trực tiếp hướng dẫn đến người nông dân.

Thông qua công tác quán triệt, thông tin tuyên truyền về Nghị quyết đã giúp nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò của KH&CN đối với phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

Quan tâm đến việc duy trì và phát triển các thương hiệu sản phẩm nông sản đã được bảo hộ, lựa chọn các sản phẩm có tiềm năng để đầu tư ứng dụng tiến bộ KHKT tạo ra sản phẩm có chất lượng, bền vững đủ khả năng cạnh tranh trong và ngoài nước. Làm tốt vai trò cầu nối, hỗ trợ tạo sự liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp và người dân trong việc khai thác, phát huy các giá trị của các sản phẩm đã được bảo hộ.

Đẩy mạnh các hoạt động liên kết sản xuất, phát triển giá trị sản phẩm hàng hóa theo chuỗi, nhằm đảm bảo việc truy xuất nguồn gốc xuất xứ và chất lượng của sản phẩm. Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp gắn với xây dựng, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, nhãn hiệu hàng hóa có hiệu quả để liên kết hộ sản xuất kinh doanh, hộ kinh tế gia đình trong sản xuất các sản phẩm nông sản gắn với doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cần bám sát vào các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch; bám sát định hướng phát triển KH&CN của tỉnh cũng như các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

Quá trình tổ chức triển khai nhiệm vụ cần có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa các sở, ngành và địa phương. Thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo hướng đặt hàng đề xuất từ cơ sở để bám sát nhu cầu thực tiễn.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI 5 NĂM, GIAI ĐOẠN 2021-2025**

#### **1. Mục tiêu**

Phát triển KH&CN trở thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Từng bước tăng cường kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN, tiến tới mục tiêu đạt 2% tổng chi ngân sách địa phương, đồng thời huy động nguồn kinh phí của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia.

Làm tốt công tác quản lý nhà nước về KH&CN, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu- ứng dụng KH&CN trong tất cả các lĩnh vực. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp

công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Góp phần hoàn thành tốt mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX. Phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường; đảm bảo an sinh xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Đề triển khai thực hiện Nghị quyết, trong giai đoạn tới Sở KH&CN tập trung xây dựng các mô hình ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ KH&CN phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá trên thị trường.

## **2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

Tích cực triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp như: giải pháp về cơ chế, chính sách; giải pháp về tổ chức; giải pháp về đào tạo; giải pháp về đầu tư; giải pháp về tài chính và giải pháp về tuyên truyền để thực hiện tốt Nghị quyết.

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; các Nghị quyết, Chỉ thị, Đề án, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII trên lĩnh vực mà Sở KH&CN được phân công phụ trách hoặc phối hợp. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về "nông nghiệp, nông dân, và nông thôn"; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển KH&CN; Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu- ứng dụng KH&CN trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, mẫu mã sản phẩm. Ứng dụng KH&CN góp phần mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn, diện tích sản xuất vải theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; chăn nuôi lợn, gà, bò, thỏ theo hình thức trang trại, gia trại tập trung, an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học; nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các loại phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, giảm sử dụng các loại phân bón vô cơ, hóa chất bảo vệ thực vật; thực hiện tốt các biện pháp phòng, trừ sâu bệnh để nâng cao chất lượng, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm cho nông sản. Tích cực tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Xây dựng thành công các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Ứng dụng các giải pháp KH&CN để xây dựng các vùng sản xuất an toàn dịch bệnh cho gia súc, gia cầm, gắn với phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, quy mô trang trại, phát triển chăn nuôi hộ gia đình phù hợp, gắn giữa sản xuất với chế biến và thị trường tiêu thụ. Nghiên cứu phát triển một số cây bản địa có giá trị kinh tế. Bảo tồn nguồn gen các loài động thực vật quý hiếm trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, thiết bị bảo quản, chế biến một số nông sản chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lựa chọn, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ gắn với dự án nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và chuyển giao các quy trình công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp.



Nghiên cứu, ứng dụng rộng rãi quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững, công nghệ sản xuất sạch, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và cơ giới hóa vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến. Tổng kết thực tiễn, đánh giá hiệu quả các mô hình chuyển giao, ứng dụng để nhân rộng.

Lồng ghép các nội dung triển khai trong các nhiệm vụ KH&CN nhằm xây dựng mô hình tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ giữa nông dân với doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt, nhất là tại các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm chủ lực, nhằm tạo ra sản phẩm đồng nhất về chất lượng trên cơ sở đồng nhất về giống và công nghệ sản xuất.

Khuyến cáo nhân rộng các hình thức tổ chức sản xuất, chuỗi giá trị đã hình thành có hiệu quả, phù hợp với thực tiễn phát triển nông nghiệp ở địa phương.

Tiếp tục hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm nông sản của tỉnh. Hỗ trợ các địa phương, tổ chức, doanh nghiệp, HTX,... xây dựng, đăng ký, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ thương hiệu sản phẩm, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu sản phẩm nông sản của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030 có 90% số sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp.

Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, doanh nghiệp thực hiện Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 09/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Phát triển thị trường công nghệ; hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và hoạt động đổi mới công nghệ, thiết bị trong các doanh nghiệp.

Tiếp tục hỗ trợ kinh phí sự nghiệp KH&CN, kinh phí đầu tư phát triển KH&CN để triển khai các dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025. Quy mô hỗ trợ các dự án tăng lên để hình thành vùng sản xuất tập trung. Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt, thẩm định, cấp kinh phí triển khai các dự án để tạo điều kiện cho các cơ quan chủ trì chủ động triển khai công việc, đặc biệt là đối với những dự án mang tính thời vụ.

Phối hợp với các ngành, huyện, thành phố tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí thoả đáng cho việc đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, cho hoạt động nghiên cứu triển khai và ứng dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống ở ngành, địa phương mình nhằm tạo điều kiện đẩy mạnh hoạt động KH&CN của ngành, địa phương.

Quan tâm phát triển đầu mối hoạt động KH&CN ở các ngành để góp phần đẩy mạnh hoạt động KH&CN trên khắp các lĩnh vực, đưa nhanh những tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống trên toàn tỉnh. Tăng cường hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN cấp huyện về mặt chuyên môn, nghiệp vụ, xây dựng kế hoạch, xây dựng đề cương các nhiệm vụ KH&CN, tổ chức triển khai, quản lý, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm được giao và thống kê các hoạt động KH&CN của ngành và huyện.

Xây dựng các chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH&CN, đặc biệt là nhân lực có trình độ cao để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực trong thời kỳ mới.

Tăng cường quan hệ hợp tác với các nước, các tổ chức phi chính phủ trên thế giới để có những trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao nhanh các công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện của tỉnh Bắc Giang. Tạo điều kiện cử cán bộ KH&CN tham dự các hội thảo quốc tế, các khóa đào tạo, tập huấn ở nước ngoài; tăng cường chương trình phối hợp với các tổ chức quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực KH&CN.

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đẩy mạnh hoạt động KH&CN; đặt hàng nhiệm vụ nghiên cứu- ứng dụng KH&CN nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách, có tác động lớn đến phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm, giai đoạn 2016-2020; đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế- xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025. Sở KH&CN trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Lưu: VT, KHTC.

**Bản điện tử:**

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Dương Văn Thái (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- hdnd\_vt@bacgiang.gov.vn;
- pth@bacgiang.gov.vn;
- Phong\_thqh\_skhd@bacgiang.gov.vn;
- namth@bacgiang.gov.vn;
- hientq\_vptu@bacgiang.gov.vn;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đức Kiên**

**TỔNG HỢP CÁC VĂN BẢN SỞ KH&CN THAM MUU**

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Cơ quan ban hành</b>
1	Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 14/01/2015 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 69/2010/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của UBND tỉnh	UBND tỉnh
2	Công văn số 2530/UBND-VX2 ngày 07/9/2015 về việc tăng cường công tác quản lý đo lường, chất lượng và ghi nhãn mặt hàng vàng, vàng trang sức, mỹ nghệ	UBND tỉnh
3	Quyết định số 2348/QĐ-BKH&CN ngày 10/9/2015 về việc phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bộ trưởng Bộ KH&CN
4	Kế hoạch số 2922/KH-UBND ngày 13/10/2015 về việc thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (giai đoạn 2016-2020)	UBND tỉnh
5	Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 22/10/2015 về việc tăng cường công tác đảm bảo an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.	Chủ tịch UBND tỉnh
6	Quyết định số 800/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	UBND tỉnh
7	Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 đổi tên Trung tâm Tin học và Thông tin KHCN thành Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN	UBND tỉnh
8	Quyết định số 189/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 ban hành danh mục, thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Sở KH&CN.	UBND tỉnh
9	Quyết định số 596/2016/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN.	Chủ tịch UBND tỉnh
10	Quyết định số 337/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 Ban hành Quy định quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	UBND tỉnh
11	Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 800/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh	UBND tỉnh
12	Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 19/7/2011 của HĐND tỉnh về Quy định mức hỗ trợ các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn	HĐND tỉnh
13	Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 ban hành Quy định thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	UBND tỉnh
14	Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2011/QĐ-UBND ngày 10/8/2011 về việc ban hành Quy định mức hỗ trợ các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn	UBND tỉnh
15	Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 phê duyệt Đề án phát triển sản phẩm vải thiều hướng tới đạt tiêu chí sản phẩm quốc gia	Chủ tịch UBND tỉnh
16	Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 ban hành các tiêu chí đánh giá việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 của các cơ quan thuộc hệ thống hành	Chủ tịch UBND tỉnh

	chính nhà nước tỉnh Bắc Giang	
17	Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN	Chủ tịch UBND tỉnh
18	Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 332/2012/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 của UBND tỉnh	UBND tỉnh
19	Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý chỉ dẫn địa lý thuộc tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 46/2010/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 của UBND tỉnh	UBND tỉnh
20	Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 về việc công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN	Chủ tịch UBND tỉnh
21	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 về việc công bố danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trong lĩnh vực KH&CN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Chủ tịch UBND tỉnh
22	Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 về việc sáp nhập Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) vào Trung tâm Ứng dụng KH&CN	UBND tỉnh
23	Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 về việc bãi bỏ Quyết định số 91/2009/QĐ-UBND ngày 25/9/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương của tỉnh Bắc Giang	UBND tỉnh
24	Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực KH&CN	Chủ tịch UBND tỉnh
25	Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN	Chủ tịch UBND tỉnh
26	Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 02/11/2018 về việc xây dựng, chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng lên phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của các sở, ngành, cơ quan; xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động tại các UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.	UBND tỉnh
27	Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 về công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động KH&CN thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN	Chủ tịch UBND tỉnh
28	Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh
29	Công văn số 1097/UBND-CN ngày 04/4/2019 về việc thực hiện quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng xăng dầu	UBND tỉnh
30	Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 337/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh	UBND tỉnh
31	Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 ban hành Quy chế phối hợp nhân rộng kết quả đề tài, dự án KH&CN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	UBND tỉnh

Phụ lục 02:

**TỔNG HỢP CÁC KẾ HOẠCH SỞ KH&CN BAN HÀNH**

<b>TT</b>	<b>Các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, chương trình, kế hoạch, đề án của Tỉnh ủy, BTV TU, HĐND, UBND tỉnh</b>	<b>Kế hoạch của Sở KH&amp;CN</b>
1	Chương trình hành động số 01-CTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 36/KH-UBND của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII	Kế hoạch số 17/KH-KHCN ngày 02/3/2016 thực hiện Kế hoạch số 36/KH-UBND của UBND tỉnh
2	Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Kế hoạch số 46/KH-KHCN ngày 30/5/2016 thực hiện Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh
3	Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 13/5/2016 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế- xã hội 05 năm, giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch số 53/KH-KHCN ngày 06/7/2016 về hoạt động KH&CN 05 năm giai đoạn 2016-2020
4	Nghị quyết số 73-NQ/TU ngày 06/5/2016 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch số 65/KH-KHCN ngày 26/8/2016 thực hiện Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh
5	Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ; Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Kế hoạch số 66/KH-KHCN ngày 29/8/2016 thực hiện Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
6	Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 16/9/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch số 79/KH-KHCN ngày 28/9/2016 thực hiện Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 16/9/2016 của UBND tỉnh
7	Nghị quyết số 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch số 92/KH-KHCN ngày 26/10/2016 thực hiện Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh
8	Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của BTV Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Kế hoạch số 100/KH-KHCN ngày 11/11/2016 thực hiện Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh
9	Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030 (giai đoạn 2016-2020)	Kế hoạch số 101/KH-KHCN ngày 11/11/2016 thực hiện Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh
10	Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh về thực hiện một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao	Kế hoạch số 41/KH-KHCN ngày 22/5/2017 thực hiện Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 28/4/2017 của

	chất lượng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và cơ cấu lại nền kinh tế đến năm 2020	UBND tỉnh
11	Kế hoạch số 1515/KH-UBND ngày 11/5/2017 của UBND tỉnh triển khai Quyết định số 161/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa- Xã hội ASEAN đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Kế hoạch số 43/KH-KHCN ngày 24/5/2017 thực hiện Kế hoạch số 1515/KH-UBND ngày 11/5/2017 của UBND tỉnh
12	Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030,	Kế hoạch số 58/KH-KHCN ngày 10/7/2018 thực hiện Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh
13	Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai.	Kế hoạch số 61/KH-KHCN ngày 13/7/2018 thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ
14	Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai Luật hỗ trợ doanh nghiệp NVV trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Kế hoạch số 89/KH-KHCN ngày 23/10/2018 thực hiện Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh
15	Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.	Kế hoạch số 100/KH-KHCN ngày 11/12/2018 thực hiện Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh
16	Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 09/10/2018 của BTV Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Kế hoạch số 99/KH-KHCN ngày 11/12/2018 triển khai thực hiện Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh
17	Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động phát triển bền vững tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.	Kế hoạch số 101/KH-KHCN ngày 11/12/2018 thực hiện Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh
18	Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp	Kế hoạch số 04/KH-KHCN ngày 08/01/2019 thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ
19	Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	Kế hoạch số 51/KH-KHCN ngày 16/4/2019 thực hiện Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh
20	Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án Đổi mới mô hình phát triển kinh tế tỉnh Bắc Giang đến năm 2030	Kế hoạch số 65/KH-KHCN ngày 13/5/2019 triển khai Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh
21	Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của BTV Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Kế hoạch số 84/KH-KHCN ngày 20/6/2019 triển khai thực hiện Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh
22	Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh về kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019 và các năm tiếp theo của tỉnh Bắc Giang	Kế hoạch số 116/KH-KHCN ngày 24/9/2019 thực hiện Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh
23	Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 433-NQ/TU ngày 04/5/2019 của BTV Tỉnh ủy về phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2019-2025	Kế hoạch số 95/KH-KHCN ngày 19/7/2019 về thực hiện Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh

Phụ lục 03:

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH KH&CN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2016-2020	Thực hiện giai đoạn 2016-2020					Kế hoạch giai đoạn 2021-2025					Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025
				2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	
1	Số sáng chế được cấp văn bằng	Sáng chế	2	-	-	1	1	-	1	1	1	1	1	5
2	Số giải pháp hữu ích được cấp văn bằng	Giải pháp	6	-	-	3	3	-	1	1	1	1	1	5
3	Số kiểu dáng công nghiệp được cấp văn bằng	Kiểu dáng	52	13	13	13	13	-	2	2	2	2	2	10
*	Số đề tài, dự án	<b>ĐT, DA</b>												
1	<i>Cấp quốc gia</i>	<b>ĐT, DA</b>	13	2	5	4	3	-	1	1	1	1	1	5
	<i>Trong đó</i>	<b>ĐT, DA</b>												
	- Lĩnh vực nông nghiệp	<b>ĐT, DA</b>	12	2	4	3	3	-	1	1	1	1	1	5
	- Lĩnh vực công nghiệp	<b>ĐT, DA</b>	1	0	0	1	0	-	0	0	0	0	0	0
	- Lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục	<b>ĐT, DA</b>	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0	0	0
	- Lĩnh vực khác	<b>ĐT, DA</b>	1	0	1	0	0	-	0	0	0	0	0	0
2	<i>Cấp tỉnh</i>	<b>ĐT, DA</b>	60	23	14	7	7	9	7	6	6	6	6	31
	<i>Trong đó</i>	<b>ĐT, DA</b>												
	- Lĩnh vực nông nghiệp	<b>ĐT, DA</b>	34	13	7	7	4	3	4	3	3	3	3	16
	- Lĩnh vực công nghiệp	<b>ĐT, DA</b>	3	0	1	0	1	1	0	1	0	0	0	1
	- Lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục	<b>ĐT, DA</b>	18	8	4	0	2	4	2	1	2	2	2	9
	- Lĩnh vực khác	<b>ĐT, DA</b>	5	2	2	0	0	1	1	1	1	1	1	5
II	Số đề tài, dự án được hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng													
1	<i>Cấp quốc gia</i>	<b>ĐT, DA</b>	5	1	2	1	1	0	1	1	1	1	1	5
	<i>Trong đó</i>	<b>ĐT, DA</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Lĩnh vực nông nghiệp	<b>ĐT, DA</b>	5	1	2	1	1		1	1	1	1	1	5
	- Lĩnh vực công nghiệp	<b>ĐT, DA</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục	<b>ĐT, DA</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Lĩnh vực khác	<b>ĐT, DA</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	<i>Cấp tỉnh</i>	<b>ĐT, DA</b>	24	9	6	3	4	2	4	4	4	4	4	20
	<i>Trong đó</i>	<b>ĐT, DA</b>												
	- Lĩnh vực nông nghiệp	<b>ĐT, DA</b>	17	6	4	3	2	2	2	2	2	2	2	10
	- Lĩnh vực công nghiệp	<b>ĐT, DA</b>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục	<b>ĐT, DA</b>	5	2	1	0	2	0	1	1	1	1	1	5
	- Lĩnh vực khác	<b>ĐT, DA</b>	2	1	1	0	0	0	1	1	1	1	1	5